

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án khai thác cát sỏi làm VLXDTT tại mỏ cát, sỏi lòng Suối Má, thôn Chát Tiên, xã Cao Bồ và Làng Má, xã Đạo Đức, huyện Vị Xuyên, tỉnh Hà Giang

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÀ GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét đề nghị phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Công ty TNHH Tổng công ty xây dựng - khoáng sản - thương mại tổng hợp Tiến Thành tại Văn bản số 50/2025/TT-KS ngày 20/6/2025;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 165/TTr-STNMT ngày 23 tháng 6 năm 2025,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án khai thác cát sỏi làm vật liệu xây dựng thông thường tại mỏ cát, sỏi lòng Suối Má, thôn Chát Tiên, xã Cao Bồ và Làng Má, xã Đạo Đức, huyện Vị Xuyên, tỉnh Hà Giang (sau đây gọi là Dự án) của Công ty TNHH Tổng công ty Xây dựng - Khoáng sản tổng hợp Tiến Thành (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại thôn Chát Tiên, xã Cao Bồ và Làng Má, xã Đạo Đức, huyện Vị Xuyên, tỉnh Hà Giang với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 9 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường:

a) Chịu trách nhiệm toàn diện về tính chính xác của số liệu, tài liệu và dữ liệu trong hồ sơ cấp Giấy phép, bảo đảm tính thống nhất với nội dung của Quyết định này.

b) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan kiểm tra việc thực hiện nội dung Giấy phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật.

2. Ủy ban nhân dân huyện Vị Xuyên:

Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường trong kiểm tra, giám sát quá trình thực hiện nội dung Giấy phép theo quy định của pháp luật.

3. Giao Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh công khai Danh sách hội đồng thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án (thành lập theo Quyết định số 498/QĐ-SNNMT ngày 17/6/2025 của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường) trên Cổng Thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang theo quy định tại Điều 102 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ.

Điều 4. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các sở: Nông nghiệp và Môi trường, Xây dựng; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Vị Xuyên, Giám đốc Công ty TNHH Tổng công ty Xây dựng - Khoáng sản tổng hợp Tiến Thành và các tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các PCT UBND tỉnh;
- Sở Nông nghiệp và MT (02 bản chính);
- Trung tâm Thông tin - Công báo tỉnh;
- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, CVCT

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Hoàng Gia Long

Phụ lục

CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN

(Kèm theo Quyết định số 1014/QĐ-UBND ngày 26 tháng 6 năm 2025
của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang)

1. Thông tin về dự án:**1.1. Thông tin chung:**

Tên dự án: Dự án khai thác cát sỏi làm vật liệu xây dựng thông thường tại mỏ cát, sỏi lòng Suối Má, thôn Chát Tiên, xã Cao Bồ và Làng Má, xã Đạo Đức, huyện Vị Xuyên, tỉnh Hà Giang.

Địa điểm thực hiện: thôn Chát Tiên, xã Cao Bồ và Làng Má, xã Đạo Đức, huyện Vị Xuyên, tỉnh Hà Giang.

Chủ dự án đầu tư: Công ty TNHH Tổng công ty Xây dựng - Khoáng sản tổng hợp Tiến Thành. Địa chỉ liên lạc: Tổ 1, thị trấn Việt Quang, huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5100109708 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Giang (nay là Sở Tài chính tỉnh Hà Giang) cấp, đăng ký lần đầu ngày 30 tháng 07 năm 1997, đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 25 tháng 07 năm 2024.

1.2. Quy mô, công suất:

- Tổng diện tích sử dụng đất của dự án là: 7,4167 ha, trong đó: Diện tích đất khu vực khai thác là 6,9191 ha; Diện tích khu mặt bằng phụ trợ, sân bãi chế biến và bãi chứa sản phẩm: 0,4976 ha. Diện tích sử dụng đất của dự án được giới hạn bởi các điểm tọa độ khép góc có tọa độ như sau:

Tên điểm góc	Hệ VN2000 Kinh tuyến trục 105 ⁰ 30', múi chiếu 3 ⁰		Diện tích (ha)
1	2 515 246,20	443 462,84	6,9191ha (khu vực khai thác)
2	2 514 759,58	443 658,59	
3	2 514 647,46	443 554,06	
4	2 514 765,17	443 483,19	
5	2 514 873,53	443 442,45	
6	2 514 981,39	443 440,60	
7	2 515 097,83	443 399,05	
8	2 514 884,98	443 433,21	0,4976 ha (khu mặt bằng phụ trợ)
9	2 514 866,55	443 433,29	
10	2 514 811,32	443 448,94	
11	2 514 738,64	443 471,97	
12	2 514 728,63	443 424,07	

Tên điểm góc	Hệ VN2000		Diện tích (ha)
	Kinh tuyến trục 105 ⁰ 30', múi chiều 3 ⁰		
13	2 514 819,39	443 419,45	
14	2 514 866,71	443 407,45	
15	2 514 881,58	443 406,45	

- Công suất khai thác: 10.365m³ sản phẩm/năm trong đó cát vàng là 6.335 m³; cuội 2.530 m³; sỏi là 1.500m³.

- Thời hạn hoạt động của dự án: 15,5 năm (kể từ ngày nhà đầu tư được quyết định giao đất, quyết định cho thuê đất, quyết định chuyển mục đích sử dụng đất).

1.3. Công nghệ sản xuất:

* Công nghệ khai thác:

Sử dụng hệ thống khai thác khẩu theo lớp bằng, đào xúc bốc bằng máy xúc thủy lực gầu ngược, vận tải trực tiếp bằng ô tô. Khai thác từ phía Nam ngược lên phía Bắc (từ hạ lưu lên thượng lưu) theo hình thức cuốn chiều (khai thác đến đâu đạt coste kết thúc khai thác đến đó). Trong quá trình khai thác không sử dụng nước, không tiến hành sàng tuyển phân loại tại khai trường, công tác sàng tuyển phân loại, chế biến chỉ thực hiện tại mặt bằng sản công nghiệp.

Quy trình công nghệ khai thác: Xúc bốc → Vận tải → Vị trí mặt bằng chế biến → Chế biến → Khách hàng.

* Công nghệ chế biến:

Hệ thống nghiền sàng chế biến cát được chọn có công suất 5 - 20T/h. Bao gồm 1 hàm đập sơ cấp 1 có công suất đập 5-20T/h, có thể tiếp nhận được cuội sỏi có kích thước đến 210 mm và cho sản phẩm ra có kích thước lớn nhất là 100mm. Sản phẩm sau khi được đập tại hàm đập sơ cấp 1 sẽ được băng tải rộng 0,7m, chạy với vận tốc 1,3 đến 1,5 m/s chuyển qua 1 bộ sàng phân loại có 2 cửa ra, cửa ra 1 cho ra loại cuội sỏi có kích thước > 50 mm được băng tải rộng 0,5m, chuyển qua hàm đập 2 đập lại. Cửa ra 2 cho ra loại sản phẩm có kích thước từ 0- 50 mm được băng tải có chiều rộng 0,5 m tốc độ chạy 1,3 - 1,5 m/s chuyển qua hàm côn 1 nghiền lại. Cuội sỏi sau đó tiếp tục qua băng tải chuyển đến máy nghiền côn và máy tạo cát VSI để nghiền thứ cấp và nghiền mịn. Sản phẩm kích thước cát yêu cầu sẽ lọt qua sàng để cấp liệu cho hệ thống rửa. Công nghệ dây chuyền áp dụng tiêu thụ khoảng 2 m³ nước/1m³ sản phẩm. Nước trong quá trình chế biến cát được sử dụng tuần hoàn bằng biện pháp lắng trọng lực tại hố lắng được xây dựng ở mặt bằng sản công nghiệp.

1.4. Phạm vi:

1.4.1. Các hạng mục công trình của dự án đầu tư:

* Các hạng mục công trình chính

- Mở vỉa theo đúng quy chuẩn, quy phạm về mở vỉa khai thác khoáng sản do Nhà nước ban hành; Phương pháp mở vỉa: Dùng hào ngoài kết hợp với hào trong, đường hào bán hoàn chỉnh, hoàn chỉnh, cải tạo tuyến nội bộ nhằm đưa máy móc

thiết bị tới vị trí làm việc. Dùng máy xúc thủy lực gầu ngược kết hợp với ô tô, xúc bốc trực tiếp lên xe.

- Tuyến đường từ mặt bằng phụ trợ sang khu vực bãi bồi của mỏ, cao độ đầu tuyến +96,5m, cao độ cuối tuyến +95,0m, chiều dài tuyến đường khoảng: 50 m, Chiều rộng tuyến đường 3,5m, dốc dọc $i=3,0\%$. Đường được xây dựng bằng cách xếp các rọ đá đan xen nhau, vị trí qua suối được tạo thành ngàm tràn để cho nước lưu thoát qua. Mặt đường được rải 01 lớp đá cấp phối; Khối lượng thi công rọ đá: 478m³; Khối lượng cấp phối đá dăm rải mặt dày 15cm là: 27m³.

- Tạo diện khai thác ban đầu mức +93,4m. Chiều dài trung bình: 25m. Chiều rộng trung bình: 15m. Khối lượng đào khoảng: 1.466 m³. Diện tích khoảng: 400 m². Vị trí mở vỉa tạo diện khai thác ban đầu đến mức +93,4 ở khu vực hạ lưu thuộc khối trữ lượng 4-122, vị trí mở vỉa có tọa độ trung tâm X = 2514.682,8m; Y = 443.569,5m. Toàn bộ khối lượng cát sỏi thu được trong quá trình tạo diện khai thác ban đầu sẽ được vận chuyển về bãi chứa tại mặt bằng sân công nghiệp để thực hiện chế biến, nghiền sàng phân loại sản phẩm.

* Các hạng mục công trình phụ trợ của dự án

- Thi công san gạt tạo mặt bằng khu vực phụ trợ tại khu vực phía Tây Bắc khu mỏ mức +96,5m, khối lượng đào khoảng: 2.740 m³, khối lượng đắp khoảng: 987 m³. Toàn bộ khối lượng đào được sử dụng đắp tại chỗ, phần dư thừa sẽ được sử dụng để đắp bờ chắn phía ngoài của mặt bằng phụ trợ.

- Lắp dựng các công trình phụ trợ: Lắp đặt 01 container 40feet để làm văn phòng điều hành; Lắp đặt 02 nhà bảo vệ (nhà tiền chế sản xuất sẵn); Lắp đặt 02 nhà vệ sinh di động (loại có bể tự hoại 0,5 m³); Lắp đặt 01 nhà kho chứa chất thải nguy hại diện tích 10 m² (nhà tiền chế sản xuất sẵn); Lắp đặt 01 trạm cân; Lắp đặt 01 trạm biến áp công suất 250kVA- 35kV/0,4; Lắp đặt 01 trạm rửa xe; Lắp đặt 01 trạm nghiền sàng phân loại sản phẩm.

* Các hạng mục công trình xử lý chất thải và bảo vệ môi trường

- Hệ thống thu gom nước tại mặt bằng phụ trợ:

+ Bố trí 01 Hồ lắng trạm rửa bánh xe, hồ lắng được xây bằng gạch block, có kích thước dài x rộng x sâu (m): 4,0 x 2,0 x 1,5 (m); có dung tích là 12m³.

+ Xây dựng hệ thống rãnh thu gom nước, rãnh có tiết diện dạng hình vuông (0,5x0,5m) được xây bằng gạch block, tạo hướng dốc về hồ thu nước. Tổng chiều dài 356m.

+ Bố trí 01 hồ lắng nước mưa chảy tràn bề mặt được xây bằng gạch block, có kích thước dài x rộng x sâu (m): 5,0 x 5,0 x 2,0 (m); có dung tích là 50m³.

- Hệ thống thu gom xử lý nước sản xuất cát: Hồ lắng nước xử lý nước phục vụ chế biến cát được xây bằng gạch block, có kích thước dài x rộng x sâu (m): 10,0 x 5,0 x 2,0 (m); có dung tích là 100m³. Hồ được chia làm 02 ngăn có kích thước dài x rộng x sâu (m): 5,0 x 5,0 x 2,0 (m).

- Công trình thu gom và thoát nước thải sinh hoạt: Sử dụng 02 nhà vệ sinh di động, mỗi nhà vệ sinh có dung tích bể chứa chất thải khoảng 500 lít đặt tại khu vực văn phòng điều hành mỏ.

- Công trình thu gom chất thải: 01 Kho chứa chất thải nguy hại, diện tích 10 m² đặt tại mặt khu phụ trợ; kết cấu khung thép quay tôn, mái lợp tôn, nền đổ bê tông có rãnh xung quanh để thu gom dầu trong trường hợp dầu chảy tràn.

- Công trình kè đá chống sồi lở: làm tuyến kè đá dài khoảng 100m, chiều cao kè 2m, tổng khối lượng 200m³ tại vị trí suối Má gần điểm mốc số 5 của mỏ ngay trong quá trình xây dựng cơ bản mỏ.

1.4.2. Các hoạt động của dự án đầu tư:

- Hoạt động đền bù, giải phóng mặt bằng trên tổng diện tích 7,4167 ha.
- Hoạt động thi công san nền và lắp đặt các công trình phụ trợ.
- Hoạt động khai thác, chế biến cát, sỏi trong phạm vi diện tích dự án.
- Hoạt động cải tạo, phục hồi môi trường khi kết thúc khai thác.

1.5. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường:

Dự án không có yếu tố nhạy cảm môi trường theo quy định tại khoản 4 Điều 25 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP).

2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường:

- Hoạt động đền bù, giải phóng mặt bằng ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất của người dân do thu hồi đất sản xuất nông nghiệp.

- Hoạt động thi công san nền khu phụ trợ và lắp đặt các công trình phụ trợ: phát sinh bụi, khí thải, nước thải, chất thải rắn sinh hoạt, sinh khối thực vật...

- Hoạt động khai thác, bốc xúc, vận chuyển và chế biến cát có khả năng tác động xấu đến môi trường, cụ thể gồm:

+ Hoạt động khai thác, bốc xúc và vận chuyển cát sỏi phát sinh bụi, khí thải, tiếng ồn, độ rung, chất thải nguy hại từ hoạt động của các máy móc, phương tiện khai thác và phương tiện vận chuyển; phát sinh nước phụt rửa bánh xe trước khi ra khỏi mỏ.

+ Hoạt động chế biến cát: Quá trình chế biến cát từ cuội sỏi quá cỡ sẽ phát sinh tiếng ồn, nước thải trong quá trình sàng rửa để thu cát thành phẩm.

+ Hoạt động vận chuyển cát, sỏi ra ngoài phạm vi mỏ ảnh hưởng đến hoạt động giao thông khu vực do mật độ hoạt động vận chuyển và xuống cấp các tuyến đường giao thông từ xã Cao Bồ đi Quốc lộ 2.

+ Hoạt động sinh hoạt của công nhân phục vụ dự án làm phát sinh nước thải sinh hoạt, chất thải rắn sinh hoạt có khả năng tác động xấu đến môi trường đất, môi trường nước khu vực nếu không được thu gom, xử lý theo quy định.

+ Nguy cơ rủi ro, sự cố sạt lở bờ suối do lũ trên dòng suối Má.

- Hoạt động cải tạo, phục hồi môi trường khi kết thúc khai thác: phát sinh bụi, khí thải, ồn, rung, nước thải sinh hoạt, chất thải rắn sinh hoạt, bùn nạo vét, chất thải rắn do phá dỡ các công trình, chất thải nguy hại nếu không được thu gom, xử lý có khả năng tác động xấu đến môi trường khu vực.

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo giai đoạn của dự án đầu tư:

3.1. Nước thải, khí thải:

3.1.1. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của nước thải:

- Giai đoạn thi công, xây dựng: Nước thải sinh hoạt phát sinh khoảng $0,2\text{m}^3/\text{ngày}$, có thành phần các chất ô nhiễm chủ yếu gồm các chất cặn bã, các chất lơ lửng (SS), các chất hữu cơ (BOD_5 , COD), các chất dinh dưỡng (N, P) và vi khuẩn gây bệnh.

- Giai đoạn hoạt động khai thác và chế biến cát:

+ Nước thải sinh hoạt: Phát sinh khoảng $0,3\text{m}^3/\text{ngày}$, có thành phần các chất ô nhiễm chủ yếu gồm các chất cặn bã, các chất lơ lửng (SS), các chất hữu cơ (BOD_5 , COD), các chất dinh dưỡng (N, P) và vi khuẩn gây bệnh.

+ Nước rửa bánh xe: Phát sinh khoảng $0,8\text{m}^3/\text{ngày}$, có thành phần chủ yếu gồm chất rắn lơ lửng.

+ Nước sản xuất cát: Nước sử dụng cho dây chuyền nghiền chế biến cát từ cuội sỏi sử dụng khoảng 2m^3 nước/ m^3 cuội sỏi đưa vào nghiền. Tổng lượng nước cần cung cấp hàng ngày là $31\text{m}^3/\text{ngày}$. Thành phần: chủ yếu là bùn cặn (cát, sỏi), chất rắn lơ lửng.

- Giai đoạn cải tạo phục hồi môi trường khi kết thúc khai thác: Nước thải sinh hoạt phát sinh không đáng kể (khoảng $0,2\text{m}^3/\text{ngày}$), có thành phần, tính chất tương tự giai đoạn thi công, xây dựng.

3.1.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của bụi, khí thải

- Giai đoạn thi công, xây dựng: Phát sinh bụi, khí thải từ hoạt động san nền khu phụ trợ, vận chuyển nguyên vật liệu và xây lắp trạm điện, lắp đặt container; nhà bảo vệ; lắp đặt trạm cân, cầu rửa xe, bộ móng lắp đặt thiết bị dây chuyền chế biến cát, thành phần chủ yếu gồm bụi, CO, NO_x , SO_2 .

- Giai đoạn hoạt động khai thác và chế biến cát: Phát sinh bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động khai thác, bốc xúc, vận chuyển cát; thành phần chủ yếu là bụi, CO_x , NO_x , SO_2 .

- Giai đoạn cải tạo phục hồi môi trường khi kết thúc khai thác: Phát sinh bụi, khí thải từ hoạt động di dời công trình phụ trợ; tháo dỡ kho chứa chất thải nguy hại, tháo dỡ trạm cân, cầu rửa xe; phá dỡ bộ móng lắp đặt thiết bị dây chuyền chế biến cát, các hố lửng, san gạt mặt bằng khu vực phụ trợ; đào hố trồng cây, nạo vét mương thoát nước mưa..., thành phần chủ yếu gồm bụi, CO, NO_x , SO_2 .

3.2. Chất thải rắn, chất thải nguy hại:

3.2.1. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải rắn thông thường

- Giai đoạn thi công, xây dựng:

+ Chất thải rắn sinh hoạt của công nhân xây dựng khoảng $3\text{kg}/\text{ngày}$, thành phần chủ yếu là thực phẩm thừa, bao bì nilon, vỏ hộp...

+ Chất thải rắn từ quá trình thi công xây dựng: Các công trình phụ trợ chủ yếu lắp đặt nhà văn phòng (container), nhà bảo vệ (nhà tiền chế sản xuất sẵn), 02

nhà vệ sinh di động, trạm điện, trạm cân, cầu rửa xe, lắp dựng kho CTNH và các hố lắng do vậy không phát sinh chất thải rắn xây dựng.

+ Hoạt động san gạt mặt bằng sân công nghiệp sử dụng đất tại chỗ, không phát sinh đất đá dư thừa vận chuyển ra ngoài phạm vi dự án.

- Giai đoạn hoạt động khai thác:

+ Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của dự án khoảng 3kg/ngày, thành phần chủ yếu là các loại bao bì, vỏ chai lọ, thức ăn thừa.

+ Hoạt động khai thác và chế biến cát sỏi của dự án sẽ tận thu tối đa nên không phát sinh đồ thải;

- Giai đoạn cải tạo phục hồi môi trường khi kết thúc khai thác: Chủ yếu là chất thải rắn sinh hoạt, khối lượng bùn nạo vét rãnh thu gom thoát nước mưa.

3.2.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải nguy hại

- Giai đoạn thi công, xây dựng: chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình xây dựng không đáng kể, chủ yếu là giẻ lau dính dầu, dầu mỡ rơi vãi,...

- Giai đoạn hoạt động khai thác và chế biến cát: chất thải nguy hại phát sinh khoảng 120 kg/năm, thành phần chủ yếu gồm giẻ lau dính dầu mỡ, dầu mỡ thải...

- Giai đoạn cải tạo phục hồi môi trường khi kết thúc khai thác: chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình cải tạo, phục hồi môi trường không đáng kể, chủ yếu là giẻ lau dính dầu mỡ, dầu mỡ thải,... khối lượng ước tính khoảng 5kg trong cả quá trình cải tạo, phục hồi môi trường.

3.3. Tiếng ồn, độ rung:

Phát sinh từ các trang thiết bị, máy móc, phương tiện phục vụ thi công xây dựng, khai thác, chế biến cát, sỏi và đóng cửa mỏ. Quy chuẩn áp dụng: QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

3.4. Các tác động khác:

- Nước mưa chảy tràn giai đoạn thi công xây dựng, giai đoạn khai thác và giai đoạn cải tạo, phục hồi môi trường đóng cửa mỏ có thành phần chủ yếu là bùn cát, chất rắn lơ lửng.

- Tác động đến địa mạo - cảnh quan giai đoạn thi công xây dựng, giai đoạn khai thác và giai đoạn cải tạo, phục hồi môi trường: mở khai trường khai thác làm biến dạng một cách đáng kể đến địa mạo và cảnh quan khu vực.

- Hoạt động khai thác làm tăng độ đục dòng chảy, thay đổi chế độ dòng chảy tự nhiên của suối Má tại khu vực dự án. Sau khi khai thác, địa hình lòng suối bị hạ thấp, làm giảm sức cản tự nhiên của dòng chảy khu vực vào mùa lũ, tạo điều kiện thuận lợi cho thoát lũ và giảm sức ép hai bên bờ suối. Tuy nhiên việc tăng tốc độ dòng chảy qua đoạn khu vực dự án cũng là nguy cơ gây xói lở đường bờ khi tốc độ dòng chảy tăng mạnh.

- Sự cố xói mòn, sạt lở, sụt lún và bồi lắng dòng chảy: Nguyên nhân gây ra sự cố xói mòn, sạt lở, sụt lún chủ yếu do trong thời gian khai thác vào mùa mưa, việc đào xới khai thác làm phá vỡ cấu trúc các lớp cát sỏi, nền yếu dễ bị xói mòn, sạt lở do mưa lũ trên dòng suối Má.

- Sự cố tràn dầu do bục đường ống thủy lực của máy xúc, ống dẫn dầu của các thiết bị máy xúc, ô tô, rò rỉ do thùng bình chứa nhiên liệu phục vụ khai thác.

- Sự cố khác: Mất an toàn lao động; Nguy cơ xuống cấp đường giao thông, mất an toàn lưới điện đường dây 35kV đi qua mặt bằng phụ trợ do hoạt động vận chuyển thi công, khai thác cát sỏi của dự án.

4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án đầu tư:

4.1. Các công trình và biện pháp thu gom xử lý nước thải, khí thải:

4.4.1. Đối với thu gom và xử lý nước thải:

- Giai đoạn thi công, xây dựng: Sử dụng 02 nhà vệ sinh di động, dung tích 500 lít/nhà vệ sinh, định kỳ thuê đơn vị chức năng hút vận chuyển đi xử lý theo quy định.

- Giai đoạn hoạt động khai thác và chế biến cát:

+ Đối với nước thải sinh hoạt: Tiếp tục sử dụng 02 nhà vệ sinh di động (được trang bị từ giai đoạn xây dựng cơ bản), định kỳ thuê đơn vị chức năng hút và vận chuyển đi xử lý theo quy định.

+ Đối với nước rửa bánh xe: Bố trí 01 cầu rửa bánh xe và 01 hồ lắng nước rửa bánh xe 12m³ để lắng nước thải từ qua trình rửa bánh xe, có đệm thấm hút dầu; nước sau khi lắng được sử dụng tuần hoàn, không thải ra môi trường; định kỳ thay miếng đệm thấm hút dầu theo quy định về quản lý chất thải nguy hại.

+ Đối với nước mưa: Bố trí 01 hồ lắng xử lý nước mưa chảy tràn được xây bằng gạch block, có kích thước dài x rộng x sâu (m): 5,0 x 5,0 x 2,0 (m); có dung tích là 50m³. Hệ thống rãnh thu gom nước mưa, rãnh có tiết diện dạng hình vuông (0,5x0,5 x 0,5m) được xây bằng gạch block, tạo hướng dốc về hồ thu nước. Tổng chiều dài rãnh là: 356m.

+ Đối với nước sản xuất chế biến cát: Xây dựng một hồ lắng có dung tích 100m³ có kích thước dài x rộng x sâu (m): 10m x 5m x 2m và được chia làm 2 ngăn (ngăn 1 chứa bùn cát mịn, ngăn 2 chứa nước lắng trong) và sử dụng bơm để cấp nước tuần hoàn tái sử dụng lại cho dây chuyền nghiền.

- Giai đoạn cải tạo phục hồi môi trường khi kết thúc khai thác: Sử dụng nhà vệ sinh di động để thu gom, xử lý nước thải của dự án đến khi kết thúc quá trình đóng cửa mỏ; cuối cùng sẽ thuê đơn vị chức năng hút vận chuyển đi xử lý, tiến hành di dời công trình xử lý nước thải và hoàn phục môi trường. Duy trì hệ thống rãnh thu gom nước mưa chảy tràn của khu vực mặt bằng.

4.4.2. Đối với xử lý bụi, khí thải:

- Giai đoạn thi công, xây dựng và khai thác:

+ Khi thực hiện san nền và lấp đặt các công trình phụ trợ và khai thác thực hiện phun nước giảm bụi tại khu vực mặt bằng sân công nghiệp và trên tuyến đường vận chuyển cát đi tiêu thụ (với bán kính phục vụ khoảng 1,0km tính từ vị trí dự án), sử dụng 01 xe phun nước dung tích thùng 5m³ với tần suất trung bình 2-4

lần/ngày, những ngày khô hanh sẽ tăng tần suất tưới để đảm bảo hạn chế phát tán bụi.

+ Duy trì hoạt động rửa bánh xe để xịt rửa bánh xe trước khi xe ra khỏi mặt bằng sân công nghiệp.

+ Sử dụng xe vận chuyển có tải trọng phù hợp với tải trọng cho phép của tuyến đường vận chuyển; thực hiện che chắn thùng xe khi tham gia giao thông.

+ Trang bị bảo hộ lao động cho công nhân.

+ Trồng cây xanh quanh khu vực bố trí các công trình phụ trợ của mỏ.

- Giai đoạn cải tạo phục hồi môi trường khi kết thúc khai thác: Duy trì biện pháp giảm thiểu khí, bụi bằng phun nước, rửa bánh xe, che chắn thùng xe và trang bị bảo hộ lao động cho công nhân đến khi kết thúc đóng cửa mỏ.

4.2. Công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại:

4.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường

- Giai đoạn thi công, xây dựng: Chất thải rắn sinh hoạt của công nhân được thu gom vào các thùng chứa có nắp đậy và hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển đi xử lý theo đúng quy định.

- Giai đoạn hoạt động khai thác và chế biến cát:

+ Trang bị các thùng chứa rác thải sinh hoạt có nắp đậy tại khu vực nhà điều hành tại mặt bằng sân công nghiệp và hợp đồng với đơn vị đủ chức năng thu gom, vận chuyển đi xử lý theo quy định.

+ Nạo vét định kỳ các hố lắng nước mưa, nước rửa bánh xe với tần suất bình quân 03 tháng/lần hoặc theo thực tế phát sinh trước mùa mưa và sau các trận mưa lớn.

+ Thường xuyên nạo vét hố lắng trong quá trình sản xuất cát, cát mịn trong hố lắng được thu gom, để ráo nước để bán cho các đơn vị có nhu cầu làm vật liệu san lấp nền.

- Giai đoạn cải tạo phục hồi môi trường sau khi kết thúc khai thác: Duy trì các công trình, biện pháp thu gom, xử lý chất thải rắn thông thường đến khi kết thúc đóng cửa mỏ; cuối cùng sẽ tiến hành di dời nhà điều hành văn phòng mỏ, nhà bảo vệ, nhà vệ sinh di động, tháo dỡ kho chất thải, trạm điện, trạm cân, cầu rửa xe; bệ móng lắp đặt thiết bị dây chuyền chế biến cát, san gạt mặt bằng sân công nghiệp và hoàn phục môi trường.

4.2.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại (CTNH)

- Giai đoạn thi công, xây dựng: Trang bị các thùng chứa CTNH, có dán nhãn cảnh báo và mã CTNH theo đúng quy định và ký hợp đồng với đơn vị có chức năng định kỳ thu gom, vận chuyển đi xử lý theo quy định.

- Giai đoạn hoạt động khai thác và chế biến cát: Trang bị các thùng chứa CTNH, có dán nhãn cảnh báo và mã CTNH theo đúng quy định; bố trí 01 kho chứa

CTNH khoảng 10m² (dạng nhà kết cấu khung thép, bao che bằng tôn) và ký hợp đồng với đơn vị có chức năng định kỳ thu gom, vận chuyển đi xử lý theo quy định.

- Giai đoạn cải tạo phục hồi môi trường khi kết thúc khai thác: Duy trì các công trình, biện pháp thu gom, xử lý CTNH đến khi kết thúc đóng cửa mỏ; cuối cùng sẽ tiến hành di dời công trình, hoàn phục môi trường.

4.3. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn và độ rung:

- Giai đoạn thi công, xây dựng và khai thác: Tuân thủ thời gian làm việc theo quy định; hạn chế tập trung các thiết bị làm việc cùng lúc tại công trường; Sử dụng các phương tiện đã được đăng kiểm đạt tiêu chuẩn về tiếng ồn, độ rung phát sinh, hoạt động đúng công suất của động cơ; Định kỳ bảo dưỡng máy móc, thiết bị, cho dầu bôi trơn hoặc thay thế những thiết bị hư hỏng.

- Giai đoạn cải tạo phục hồi môi trường khi kết thúc khai thác: Duy trì các biện pháp giảm thiểu tiếng ồn đến khi kết thúc đóng cửa mỏ.

4.4. Công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác:

4.4.1. Phương án cải tạo, phục hồi môi trường:

* Giải pháp cải tạo, phục hồi môi trường:

Thời gian thực hiện ngay khi khi dự án kết thúc khai thác: Di dời 01 nhà điều hành mỏ (dạng container), 02 nhà bảo vệ (nhà tiền chế sản xuất sẵn); tháo dỡ 01 kho chứa CTNH, 01 trạm điện, 01 trạm cân, 01 cầu rửa xe; phá dỡ, san lấp các hố lũng: hố lũng nước mưa 50m³; 01 hố lũng nước rửa xe 12m³; hố lũng nước phục vụ dây chuyền chế biến cát 100m³; khơi thông, nạo vét 356m đường thoát nước mưa tại mặt bằng kết thúc khai thác và nạo vét 325m đường thoát nước tại mặt bằng sân công nghiệp; Phá dỡ tuyến đường vận chuyển chính từ mặt bằng sân công nghiệp sang khai trường: 478m³. San gạt mặt bằng khu vực phụ trợ 4.976m²; Trồng keo lá tràm trên toàn bộ diện tích khu phụ trợ trong 3 năm đầu, sau đó bàn giao lại cho địa phương quản lý.

* Dự toán kinh phí cải tạo, phục hồi môi trường và phương thức ký quỹ:

- Tổng kinh phí cải tạo, phục hồi môi trường (chưa bao gồm yếu tố trượt giá) là 536.567.000 đồng.

- Số lần ký quỹ 15 lần, trong đó.

+ Ký quỹ lần đầu với số tiền là: 107.313.400 đồng. Thời điểm ký quỹ lần đầu: Trước ngày đăng ký bắt đầu xây dựng cơ bản mỏ.

+ Ký quỹ từ lần thứ hai trở đi với số tiền là: 30.661.000 đồng. Thời điểm ký quỹ: Trước ngày 31 tháng 01 của năm ký quỹ.

- Đơn vị nhận ký quỹ: Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Hà Giang.

4.4.2. Phương án thực hiện để bảo vệ, phòng, chống sạt lở lòng, bờ, bãi suối và các yếu cầu, điều kiện để bảo vệ, phòng chống sạt lở lòng, bờ, bãi suối; phòng ngừa, ứng phó sự cố tác động tới lòng, bờ, bãi suối:

Tiến hành kê gia cố bờ suối tại các vị trí có nguy cơ bị sạt lở, trồng tre tại khu vực có nguy cơ sạt lở, kê rọ đá khu vực bờ suối tại vị trí gần điểm mốc số 5

chiều dài tuyến kè là 100m, chiều cao kè 2m, khối lượng kè dự kiến là 200m³ ngay trong giai đoạn xây dựng cơ bản của mỏ. Tuân thủ đúng thiết kế khai thác, khoanh vùng ranh giới trữ lượng khai thác, đảm bảo trong quá trình khai thác không làm biến đổi dòng chảy, không gây sạt lở bờ suối, không ảnh hưởng tới các công trình giao thông, cầu đường trong phạm vi dự án.

4.4.3. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường:

- Giai đoạn thi công, xây dựng:

+ Bố trí hệ thống mương rãnh thoát nước, hồ lắng và duy trì việc nạo vét, khơi thông dòng chảy rãnh thoát nước khu vực dự án.

+ Đối với rủi ro, sự cố: Tuân thủ các quy định về phòng cháy chữa cháy và quy trình kỹ thuật vận hành máy móc, thiết bị; lập biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định, ...

- Giai đoạn hoạt động khai thác:

+ Đối với rủi ro, sự cố môi trường: Tuân thủ các quy định về phòng cháy chữa cháy và quy trình kỹ thuật vận hành máy móc, thiết bị. Xây dựng kế hoạch, đầu tư trang thiết bị, các phương án hợp đồng để sẵn sàng ứng phó khi xảy ra sự cố tràn dầu. Phối hợp với chính quyền địa phương nắm bắt ý kiến, kiến nghị, phản ánh của người dân để kịp thời có biện pháp khắc phục, giảm thiểu tác động trong quá trình thực hiện; thường xuyên kiểm tra, giám sát, kịp thời khắc phục ngay những tác động tiêu cực từ các hoạt động của dự án làm ảnh hưởng đến đời sống nhân dân khu vực.

+ Sự cố khác: Tuân thủ các quy định về an toàn lao động; Phối hợp với chính quyền địa phương duy tu, sửa chữa các tuyến đường giao thông công cộng bị xuống cấp do hoạt động vận chuyển của dự án, sử dụng phương tiện vận tải có tải trọng phù hợp với tải trọng cho phép của tuyến đường giao thông theo quy định; Các công trình xây dựng tại mỏ phải đảm bảo khoảng cách an toàn đối với lưới điện 35kV theo quy định, phối hợp với Điện lực Vị Xuyên thống nhất về phương án bảo đảm an toàn lưới điện 35kV đi qua mặt bằng khu phụ trợ mỏ (di chuyển hoặc nâng cao tuyến đường điện).

- Giai đoạn cải tạo phục hồi môi trường khi kết thúc khai thác: Thực hiện các biện pháp giảm thiểu nêu trên đến khi kết thúc đóng cửa mỏ.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ dự án:

Chủ dự án chịu trách nhiệm giám sát chất lượng môi trường không khí, giám sát tiếng ồn, độ rung; giám sát chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại; giám sát rủi ro, sự cố từ các hoạt động của dự án. Định kỳ chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt và chất thải nguy hại, nước thải sinh hoạt cho đơn vị có đầy đủ năng lực, chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

6. Các điều kiện có liên quan đến môi trường:

- Hoạt động khai thác khoáng sản của dự án bảo đảm thực hiện đúng thiết kế khai thác đã được phê duyệt, bảo đảm phòng, chống sạt lở lòng, bờ, bãi Suối Má (Suối Nậm Má) trong quá trình hoạt động theo quy định.

- Thu gom toàn bộ nước thải sinh hoạt, chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại phát sinh từ hoạt động của dự án chuyển giao cho đơn vị có chức năng, năng lực phù hợp để xử lý theo quy định. Tái sử dụng nước thải từ hoạt động nghiền, chế biến cát sỏi, hoạt động rửa xe của dự án, không thải ra môi trường.

- Tuân thủ Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung theo quy định hiện hành trong quá trình hoạt động.

- Chủ động phối hợp với chính quyền địa phương duy tu, sửa chữa các tuyến đường giao thông công cộng bị xuống cấp do hoạt động vận chuyển của dự án; phối hợp với Điện lực Vị Xuyên thống nhất phương án bảo đảm an toàn lưới điện 35kV đi qua mặt bằng khu phụ trợ mở trước khi xây dựng cơ bản mỏ.

- Thực hiện đền bù và khắc phục ô nhiễm môi trường, các thiệt hại xảy ra theo quy định trong trường hợp xảy ra các sự cố, rủi ro môi trường, sạt lở lòng, bờ, bãi Suối Má do thực hiện dự án./.

MA Q.